

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO

Ngày Thi: 26/7/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
							PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		
1	BKNC10391	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/05/2004	Nghệ An	7,33	5,0	1,0	3,0	3,0	Không đạt	
2	BKNC10392	Phan Nguyễn Ánh	Dương	21/11/2006	Phú Thọ	10,0	9,5	9,5	10,0	9,67	Đạt	
3	BKNC10393	Lê Kim	Duyên	23/2/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,0	8,0	1,0	5,33	Không đạt	
4	BKNC10394	Lê Nguyễn Thị	Duyên	5/10/2006	Đắk Lắk	8,67	7,5	8,0	8,5	8,0	Đạt	
5	BKNC10395	Nguyễn Vũ Minh	Hưng	25/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	7,0	8,5	2,0	5,83	Không đạt	
6	BKNC10396	Dương Thị Phương	Lan	19/09/2003	Tây Ninh	6,33	7,5	2,0	1,0	3,5	Không đạt	
7	BKNC10397	Nguyễn Thị	Lương	26/6/2006	Hà Tĩnh	10,0	8,0	9,5	9,5	9,0	Đạt	
8	BKNC10398	Tăng Quốc	Minh	03/03/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,0	8,5	8,5	7,67	Đạt	
9	BKNC10399	Nguyễn Xuân	Mỹ	04/03/1994	Gia Lai	9,33	7,5	8,5	9,5	8,5	Đạt	
10	BKNC10400	Phùng Ngọc Bích	Ngân	05/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh							Vắng
11	BKNC10401	Trần Trọng	Nghĩa	05/04/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	8,0	8,0	8,0	8,0	Đạt	
12	BKNC10402	Bùi Thị Kim	Ngọc	11/01/2005	Tiền Giang	8,0	8,0	6,0	7,5	7,17	Đạt	
13	BKNC10403	Nguyễn Trương Ngọc	Nhã	15/7/2005	Đắk Lắk	8,67	7,0	9,0	7,0	7,67	Đạt	
14	BKNC10404	Nguyễn Trọng	Nhân	1/5/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	7,0	8,0	5,0	6,67	Đạt	
15	BKNC10405	Nguyễn Đăng Uyển	Nhi	08/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	5,33	8,0	6,0	7,0	7,0	Đạt	
16	BKNC10406	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	4/12/2004	Gia Lai							Vắng
17	BKNC10407	Nguyễn Hồng Minh	Phúc	10/06/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,0	9,5	6,5	7,67	Đạt	
18	BKNC10408	Nguyễn Hoàn	Phương	10/1/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,5	9,5	10,0	9,33	Đạt	
19	BKNC10409	Trần Thị Thúy	Quyên	5/9/2005	An Giang	10,0	9,0	9,5	10,0	9,5	Đạt	
20	BKNC10410	Trần Thanh	Thịnh	11/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	6,5	8,0	6,5	7,0	Đạt	
21	BKNC10411	Nguyễn Công Bảo	Tín	9/11/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	3,5	6,5	7,0	5,67	Không đạt	
22	BKNC10412	Trần Lê Ngọc	Trâm	12/09/2005	Tây Ninh	3,33	4,0	5,0	2,0	3,67	Không đạt	
23	BKNC10413	Đặng Thị Kim	Trang	20/10/2005	Lâm Đồng	7,67	7,0	9,0	8,0	8,0	Đạt	
24	BKNC10414	Lê Thị Thuý	Trang	6/6/2005	Thanh Hoá	8,0	0,0	7,0	1,0	2,67	Không đạt	
25	BKNC10415	Nguyễn Thanh	Trúc	13/07/2003	Phú Yên	4,33	7,0	7,0	2,0	5,33	Không đạt	
26	BKNC10416	Đỗ Mạnh	Tuấn	15/3/2002	Thanh Hoá	7,33	8,0	9,0	7,5	8,17	Đạt	
27	BKNC10417	Huỳnh Thúy	Vy	26/02/2005	Vĩnh Long	7,33	9,0	9,0	8,5	8,83	Đạt	
28	BKNC10418	Nguyễn Trịnh Phương	Vy	12/5/2006	Đồng Tháp	8,67	5,0	5,0	3,0	4,33	Không đạt	
29	BKNC10419	Trịnh Đặng Uyên	Vy	22/8/2006	Đồng Nai	6,67	9,5	9,5	6,5	8,5	Đạt	
30	BKNC10420	Vũ Khánh	Vy	16/08/2005	Ninh Thuận	8,0	9,0	9,0	5,0	7,67	Đạt	

Ghi chú: Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN) >= 5 và Điểm thực hành 3 môn >= 5

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm TN	Điểm thực hành				Kết quả	Ghi chú
						PPT NC	Word NC	Excel NC	TB		

Số lượng thí sinh:30Số thí sinh đạt:19

Số lượng hiện diện:28

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam